

Số: 383/2024/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 20 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 282/2024/HNST ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự :

1. Ông Nguyễn Vĩnh B, sinh năm 1988; địa chỉ: 6 L, Phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Hoàng Thị Thùy T, sinh năm 1991; địa chỉ: B N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Thùy T và ông Nguyễn Vĩnh B tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 38, đăng ký ngày 15/5/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh); do đó, khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình chung sống, giữa bà T và ông B phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mặc dù đã tìm

cách khắc phục nhưng không có kết quả. Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà **T** và ông **B** không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ Trích lục khai sinh (Bản sao) số 384/TLKS-BS ngày 31/8/2017 của Ủy ban nhân dân Phường D1, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; cùng lời thừa nhận của bà Hoàng Thị Thùy T và ông Nguyễn Vĩnh B; ông bà có 01 (một) con chung là trẻ Nguyễn Hoàng Bảo V (nữ), sinh ngày 21/8/2017.

Sau khi ly hôn, ông bà thỏa thuận giao con chung cho bà Hoàng Thị Thùy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông B cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng. Thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày 01 đến ngày 10 (dương lịch) hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 7/2024 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Các đương sự thỏa thuận việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Trong trường hợp ông B chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông B còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ông Nguyễn Vĩnh B có quyền và nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Vĩnh B và bà Hoàng Thị Thùy T tự thỏa thuận

[4] Về nợ chung: Ông Nguyễn Vĩnh B và bà Hoàng Thị Thùy T xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Ông Nguyễn Vĩnh B và bà Hoàng Thị Thùy T cùng chịu lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Vĩnh B và bà Hoàng Thị Thùy T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 38, đăng ký ngày 15/5/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Căn cứ Trích lục khai sinh (Bản sao) số 384/TLKS-BS ngày 31/8/2017, của Ủy ban nhân dân Phường D1, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; cùng lời thừa nhận của bà Hoàng Thị Thùy T và ông Nguyễn Vĩnh B; ông bà có 01 (một) con chung là trẻ: Nguyễn Hoàng Bảo V (nữ), sinh ngày 21/8/2017.

Giao con chung cho bà Hoàng Thị Thùy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông B cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng. Thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày 01 đến ngày 10 (dương lịch) hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 7/2024 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trường hợp ông B chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông B còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ông Nguyễn Vĩnh B có quyền và nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Các đương sự chịu lệ phí việc dân sự sơ thẩm thuận tình ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0019188 ngày 03/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T và ông B đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Cơ quan nơi ĐKKH ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS, (Vy).

THẨM PHÁN

Lê Thuần Phong